

SỰ CHI VIỆN CỦA HẬU PHƯƠNG THANH - NGHỆ - TĨNH CHO CHIẾN TRƯỜNG BẮC BỘ TRONG NHỮNG NĂM 1950-1954

Nhận bài:

16 – 01 – 2015

Chấp nhận đăng:

25 – 03 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Nguyễn Văn Dũng

Tóm tắt: Trong những năm 1950 – 1954, phát huy quyền chủ động giành được trên chiến trường chính Bắc Bộ, ta đã mở nhiều chiến dịch quân sự lớn nhằm xoay chuyển cục diện chiến trường đi đến kết thúc thắng lợi. Thanh - Nghệ - Tĩnh là hậu phương chiến lược, được đánh giá là kho của, kho người, tiếp giáp với chiến trường chính đã có vai trò quan trọng trong việc chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954). Bài viết nghiên cứu về hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh và sự chi viện của hậu phương này cho chiến trường chính Bắc Bộ trong những năm 1950-1954, từ đó khẳng định vai trò to lớn của vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như khẳng định sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

Từ khóa: hậu phương; Thanh - Nghệ - Tĩnh; chi viện; chiến trường Bắc Bộ.

1. Đặt vấn đề

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, để có được những thắng lợi trên các chiến trường, vai trò chi viện từ các hậu phương có ý nghĩa quyết định. Từ năm 1950, thực dân Pháp đã mở rộng phạm vi chiếm đóng ra nhiều nơi thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ, tranh chấp với ta những vùng đông dân nhiều của, bao vây kinh tế các vùng tự do của ta. Do đó, sự chi viện từ vùng đồng bằng Liên khu III bị hạn chế nhiều. Cùng với đó, sau chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, phát huy quyền chủ động giành được trên chiến trường chính Bắc Bộ, ta đã mở nhiều chiến dịch lớn nhằm xoay chuyển tình thế chiến tranh, “chuyển mạnh sang tổng phản công”, đi đến kết thúc thắng lợi. Trong bối cảnh đó, hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh được đánh giá là kho của, kho người, có vai trò quan trọng trong sự chi viện cho chiến trường chính Bắc Bộ.

2. Nội dung

2.1. Vài nét về hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh

Thanh - Nghệ - Tĩnh là vùng đất rộng lớn ở khu vực Bắc Trung Bộ, có diện tích 33.640 km², chiều dài Bắc - Nam là 400 km, chiều ngang nơi rộng nhất là 200 km.

Không những rộng lớn, Thanh - Nghệ - Tĩnh còn nằm ở vị trí chiến lược quan trọng: phía Bắc giáp các tỉnh Ninh Bình, Hòa Bình và Sơn La; phía Đông giáp biển; phía Tây giáp Lào. Do vậy, vùng này vừa có thể là chỗ đứng chân, vừa là hậu phương chi viện cho các chiến trường.

Địa hình vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh bao gồm: rừng núi, trung du, đồng bằng và ven biển. Đồng bằng Thanh - Nghệ - Tĩnh là vựa lúa lớn thứ ba của cả nước, sau đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Thanh - Nghệ - Tĩnh có nhiều sông như: sông Mã, sông Chu, sông Lèn ở Thanh Hóa; sông Cả, sông La, sông Lam ở Nghệ - Tĩnh; các sông nối với nhau bằng các kênh, rạch. Với địa hình nhiều sông, tiếp giáp biển, nước biển có độ mặn cao, thuận lợi cho việc khai thác thủy, hải sản và làm muối.

Hệ thống giao thông thủy, bộ ở Thanh - Nghệ - Tĩnh cũng rất thuận tiện. Theo trục Bắc - Nam có Quốc lộ 1, đường sắt, đường 15, đường 41; theo hướng đông - tây có đường 7, đường 8; các sông lớn đều chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam cũng đóng vai trò giao thông quan trọng.

Ở vùng đất Thanh - Nghệ - Tĩnh từ bao đời nay là nơi sinh sống của các cộng đồng dân tộc Việt Nam. Ngoài dân tộc Kinh chiếm gần 90% dân số, có các dân tộc như Thái, Mường, Dao, Tày, Nùng, Chứt chiếm khoảng 10% dân số. Tính đến năm 1947, Thanh - Nghệ - Tĩnh có hơn 2,5 triệu người (khoảng 1/10 dân số cả nước) [8, tr.19]. Dù khác nhau về tộc người nhưng cư dân vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh qua chiều dài lịch sử đã

* Liên hệ tác giả

Nguyễn Văn Dũng

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Email: dungsuhpu2@gmail.com

Điện thoại: 0987002279

được rèn luyện, hun đúc qua các cuộc đấu tranh chống thiên tai, chống giặc ngoại xâm. Người dân Thanh - Nghệ - Tĩnh luôn có ý thức trách nhiệm trước thời cuộc, trước Tổ quốc khi bị lâm nguy. Nhiều anh hùng, hào kiệt, danh tướng lỗi lạc xuất thân từ nơi đây đã làm rạng danh lịch sử dân tộc. Sử sách xưa đã ghi lại vùng đất Nghệ An như sau: “núi cao, sông sâu, phong tục trung hậu, cảnh tượng tươi sáng (...) được khí tốt của núi sông nên sinh ra nhiều bậc danh hiền (...). Thật là nơi hiểm yếu như thành đồng ao nóng của nước và là then khóa của các triều đại” [4, tr.65]. Đặc điểm nổi bật của vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh là từ xa xưa vùng này đã từng nhiều lần đảm nhiệm vai trò căn cứ địa, hậu phương trong các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Từ những điểm khái quát trên, có thể thấy Thanh - Nghệ - Tĩnh là một vùng đất rộng, người đông, có truyền thống yêu nước, có thể là hậu phương vững chắc, chi viện cho tiền tuyến trong quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

2.2. Sự chi viện của hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh cho chiến trường Bắc Bộ trong những năm 1950 - 1954

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh đã chi viện cho cả ba chiến trường là: chiến trường Bắc Bộ, chiến trường Bình - Trị - Thiên, chiến trường Lào. Trong đó, chiến trường Bắc Bộ được xác định là chiến trường chính, diễn ra nhiều chiến dịch quân sự lớn, do đó, sự chi viện từ các hậu phương cũng đòi hỏi nhiều hơn các chiến trường khác.

Đối với chiến trường chính Bắc Bộ, trước năm 1950, hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh chưa có sự chi viện lớn. Bởi lẽ, trong giai đoạn này, Thanh - Nghệ - Tĩnh đang trong quá trình xây dựng, tiềm lực chưa thật sự lớn mạnh. Hơn nữa, lúc này ta vẫn giữ được nhiều vùng đông dân, nhiều của ở Bắc Bộ và cũng chưa mở nhiều chiến dịch quân sự lớn, vì vậy chưa cần chi viện từ các hậu phương xa.

Từ năm 1950, thực dân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng nhiều nơi ở đồng bằng Bắc Bộ, ra sức thực hiện âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”, thủ đoạn “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”. Đảng ta chủ trương tổng động viên nhân tài vật lực để “chuyên mạnh sang tổng phản công”. Từ đây, vai trò chi viện của hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh đối với chiến trường chính Bắc Bộ càng trở nên quan trọng.

Trong năm 1950, hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh đã thành lập Bộ Tư lệnh địa phương Liên khu IV, thành lập Đại đoàn 304 với hướng tác chiến chính là chiến trường Bắc Bộ.

Từ năm 1951 trở đi, ngoài việc cung cấp tân binh, bổ sung cho các đơn vị chủ lực, việc huy động lương thực, thực phẩm và dân công vận tải cho các chiến trường phía bắc trở thành một nhiệm vụ lớn, nặng nề nhất trong các hướng chi viện của hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh.

Chiến dịch lớn đầu tiên ở chiến trường chính Bắc Bộ mà hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh thực hiện chi viện là chiến dịch Hà - Nam - Ninh (chiến dịch Quang Trung). Ngày 30-12-1950, Ban chuẩn bị chiến trường Trung ương, trong cuộc họp bàn kế hoạch chuẩn bị chiến trường Bắc Bộ, đã chủ trương: “Phải chuẩn bị cho 90.000 quân chủ lực ăn trong 2 tháng (số gạo cần thiết để ở hậu phương là 10.000 tấn), dự định huy động 20 triệu ngày công phục vụ chiến trường”. Thực hiện nhiệm vụ được giao, trong những tháng đầu năm 1951, Thanh Hóa đã huy động thóc gạo và dân công chuyển ra Liên khu III. Đến tháng 4-1951, Thanh Hóa đã thực hiện được:

- Tổng số lúa giao cho Liên khu III: 4.635 tấn 838 kg
- Số ngày công đã làm: 1.912.775 công
- Số ngày công được phụ cấp: 637.393 công
- Số tiền phụ cấp dân công: 95.638.750 đồng
- Số chi phí vật liệu, văn phòng phẩm: 1.515.170 đồng” [10].

Thời gian này, Thanh Hóa còn huy động 6.000 dân công vận chuyển muối ra Việt Bắc. Khi Chiến dịch Hà - Nam - Ninh bắt đầu (26-5-1951), Thanh Hóa được lệnh huy động 25.000 dân công, trong đó có 6.000 dân công xung kích, đi phục vụ bộ đội trực tiếp chiến đấu, được 500.000 công. Thanh Hóa còn được lệnh huy động dự trữ cho chiến dịch 2.500 tấn thóc, 1.500 con trâu, bò. Trong tháng 5-1951, tỉnh đã cung cấp cho bộ đội 300 con trâu, bò, 30 tấn lương khô (gạo rang), 20 tấn đường lúc rời hậu phương.

Tỉnh Nghệ An, trong Chiến dịch Hà - Nam - Ninh cũng đã huy động 3.000 dân công chuyển muối, gạo ra Thanh Hóa, một số đã cùng dân công Thanh Hóa đi phục vụ hòa tuyến.

Tính chung trong Chiến dịch Hà - Nam - Ninh và vận chuyển muối ra Việt Bắc thời gian nửa đầu năm 1951, hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh đã huy động 277.607 dân công, làm được 2.593.000 ngày công trong nhiệm vụ vận tải, phục vụ chiến đấu và 13.000 tấn lương thực, 1.500 con trâu, bò, 30 tấn lương khô, 20 tấn đường cùng hàng trăm tấn muối và thực phẩm khác cung cấp cho bộ đội và dân công.

Ngày 14-11-1951, thực dân Pháp huy động 20 tiểu đoàn đánh chiếm Hòa Bình. Nhận thấy đây là cơ hội tốt để tiêu diệt sinh lực địch, Tổng quân ủy đã quyết định

mở Chiến dịch Hòa Bình. Để đảm bảo nhu cầu cho bộ đội tác chiến, ta đã thành lập hai Ban Cung cấp ở hai phía Nam và Bắc của mặt trận. Ban Cung cấp phía Nam có nhiệm vụ cung cấp cho các đơn vị chiến đấu ở Nam Hòa Bình, đường số 6 và vùng địch hậu Liên khu III. Ban này có trách nhiệm huy động nhân, tài, vật lực các tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh và Hòa Bình, Hà Nam, Ninh Bình cho chiến dịch [2, tr.223].

Nhận được lệnh của Trung ương, hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh đã khẩn trương quán triệt nhiệm vụ cho nhân dân và cử dân công đi phục vụ chiến trường xa. Trong Báo cáo “Kiểm điểm công tác dân công phục vụ Chiến dịch giải phóng Hòa Bình từ tháng 11-1951 đến 3-1952” của Ban Dân công Liên khu III, IV ghi nhận: “Giặc nhậy dù Chợ Bến là có lệnh đánh. Lệnh cho Thanh Hóa huy động ngày 3-11-1951 và 13-11-1951 phải có mặt ở công trường, số lượng hàng vạn. Tính chất là dân công thường trực, dân công đợt, dân công động viên. Huy động cả Hòa Bình, Nam Định, Hà Nam và Thanh - Nghệ - Tĩnh. Các nguồn chính cung cấp, phục vụ toàn bộ chiến dịch là Thanh - Nghệ - Tĩnh, thời gian dài” [1].

Tỉnh Thanh Hóa, ngoài số dân công huy động trực tiếp tham gia Chiến dịch Hòa Bình, còn có hàng vạn người được huy động làm đường Như Xuân - Phú Quý, Vạn Mai - La Hán,... làm cầu phao, trạm nghỉ chân, chèo đò qua sông cho dân công Nghệ An, Hà Tĩnh đi qua địa phương mình. Nghệ An, Hà Tĩnh đã cử những dân công có sức khỏe tốt, hăng hái lập thành các đơn vị quân đội theo địa phương hoặc theo ngành chuyên môn, chuyển hàng ngàn tấn lương thực hành quân ra phía Bắc hay làm đường ra Thanh Hóa.

Với số lượng 135.424 người, hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh đã đảm bảo được 41% số dân công cho toàn Chiến dịch Hòa Bình. So với khu vực phía Nam, số dân công của Thanh - Nghệ - Tĩnh chiếm 76%, trong đó riêng dân công đợt, Thanh Hóa đảm bảo gần 65%, còn dân công thường trực 3 tỉnh bảo đảm xấp xỉ 90%. Số lương thực ba tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh đã cung cấp cho bộ đội, dân công tới gần 20.000 tấn. Sau hơn 3 tháng chiến đấu, ngày 23-2-1952, quân dân ta đã buộc địch phải rút khỏi Hòa Bình, chiến dịch kết thúc thắng lợi.

Để tiếp tục giữ vững quyền chủ động trên chiến trường, 9-1952, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định mở Chiến dịch Tây Bắc nhằm phân tán lực lượng địch ở đồng bằng Bắc Bộ, tiêu diệt bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất, dân, nối liền căn cứ địa Việt Bắc với vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh. Nhu cầu vật chất của chiến dịch chủ yếu là chuyển từ hậu phương tới

Trung ương giao cho Việt Bắc, Thanh - Nghệ - Tĩnh và Liên khu III cùng tập trung chi viện.

Hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh lại hăng hái tiếp tế cho mặt trận Tây Bắc theo nhiệm vụ được phân công. Trong chiến dịch này, Nghệ An đã huy động được 38.596 dân công đi vận tải lương thực, thực phẩm và vũ khí cho bộ đội. Thanh Hóa đã cũng cấp cho chiến dịch 99.897 dân công dài hạn và 41.703 dân công ngắn hạn, chiếm 70% số dân công của toàn chiến dịch. Tính chung hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An đã huy động cho Chiến dịch Tây Bắc 180.196 lượt dân công, làm được hơn 6.000.000 ngày công. Số lương thực hai tỉnh cung cấp cho bộ đội và dân công ăn trong thời gian chiến dịch lên tới 20.000 tấn. Nhiều trâu, bò, lợn, gà và các loại thực phẩm khác cần thiết cho mặt trận cũng được huy động từ Thanh - Nghệ. Riêng tại tiền phương, Thanh Hóa, Nghệ An và các địa phương khác đã cung cấp cho bộ đội 9.360 tấn gạo, 164 tấn muối, 195 tấn thịt, 71 tấn thực phẩm khác. Số dân công có tới 194.400 người với 6.926.500 ngày công [8, tr.211].

Sau gần hai tháng chiến đấu (từ 14-10 đến 10-12-1952), Chiến dịch Tây Bắc thắng lợi, giải phóng được một vùng đất đai rộng lớn. Qua tổng kết kinh nghiệm thực tế từ Chiến dịch Tây Bắc do Tổng cục Cung cấp báo cáo lên, Hội đồng Chính phủ đã trình Chủ tịch nước thành lập Hội đồng Cung cấp mặt trận các cấp. Và đến ngày 27-7-1953, Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định thành lập cơ quan đặc trách công tác chi viện cho tiền tuyến, ghi rõ: “Thành lập ở Trung ương và ở các khu, tỉnh cần thiết các Hội đồng cung cấp mặt trận để bảo đảm việc cung cấp nhân lực và vật lực cho tiền tuyến” [7]. Tiếp đến, Hội đồng Cung cấp mặt trận ở Liên khu IV và các tỉnh Phú Thọ, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh,... lần lượt được ra đời. Việc Hội đồng Cung cấp mặt trận các cấp được thành lập, các tuyến vận tải được tổ chức đã tạo thuận lợi lớn cho việc huy động nhân, vật lực cho tiền tuyến.

Nhằm đập tan kế hoạch Navar¹, Đảng ta đã chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 với hướng chủ yếu là Tây Bắc, Thượng Lào,... Phát hiện sự di chuyển của chủ lực ta lên hướng Tây Bắc, ngày 20-11-1953, Navar cho 6 tiểu đoàn dù nhảy dù xuống Điện Biên Phủ rồi ra sức xây dựng nơi đây trở thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Âm mưu của Pháp là biến Điện Biên Phủ thành một căn cứ lực lượng - không quân chiến lược, ngăn chặn cuộc tiến công chiến lược của ta, thu hút và tiêu diệt chủ lực của ta,... Sau khi cân nhắc kỹ những mặt thuận lợi, khó khăn của ta, nhất là vấn đề hậu cần, những yếu điểm của địch, ngày 6-12-

1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh được giao nhiệm vụ huy động mọi khả năng để phục vụ cho cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân nói chung và Chiến dịch Điện Biên Phủ nói riêng.

Trước hết, hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh đã huy động một lực lượng quan trọng nhân lực, vật lực đảm bảo cho bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương bẻ gãy cuộc hành quân của địch thăm dò, phá hoại hậu phương ta ở vùng Thanh Hóa - Tây Nam Ninh Bình từ ngày 15-10 đến ngày 6-11-1953.

Khi quân địch rút khỏi bắc Thanh Hóa - Tây Nam Ninh Bình, Thanh Hóa đã huy động 5.000 dân công bắt đầu thực hiện nhiệm vụ vận tải hàng hóa chuẩn bị cho cuộc tiến công đợt một của Chiến dịch Điện Biên Phủ. Sang đợt hai, Thanh Hóa cử hàng ngàn dân công khác lên đường chuyên lương thực, thực phẩm theo đường bộ qua Hòa Bình, ngược Sơn La, hoặc bằng thuyền qua sông Mã qua Lào lên phía Nam Điện Biên Phủ.

Bước vào đợt tấn công thứ ba, Trung ương Đảng, Chính phủ đã quyết định tập trung mọi nỗ lực của hậu phương chi viện cao nhất cho tiền tuyến. Thanh Hóa, Nghệ An là những địa phương được giao nhiệm vụ cung cấp sức người, sức của chủ yếu cho đợt tổng công kích cuối cùng vào các vị trí địch, đảm bảo cho đợt tiến công thứ ba giành thắng lợi. Số dân công Thanh Hóa huy động cho đợt này lên tới mức kỷ lục: 120.000 người (25.000 nữ), 10.075 xe đạp thồ.

Cả ba đợt, Thanh Hóa đã huy động cho chiến dịch 178.924 dân công dài hạn và ngắn hạn, gần bằng 70% toàn chiến dịch. Số thanh niên nhập ngũ trong thời gian chiến dịch có 18.890 người. Số lương thực trên giao là 28.000 tấn, Thanh Hóa đã huy động được 34.927 tấn, vượt gần 7.000 tấn. Số xe đạp thồ là 16.000 chiếc, thuyền: 1.126 chiếc, 31 ô tô và nhiều loại phương tiện vận tải thô sơ khác. Thực phẩm mà tỉnh Thanh Hóa huy động được là 1.300 con bò, 2.000 con lợn, 250.000 quả trứng, 150 tấn đậu, 20.000 chai lọ nước mắm, 450 tấn cá khô, cùng hàng trăm tấn rau các loại [3, tr.97].

Chấp hành lệnh huy động của Trung ương và Liên

khu, Tỉnh ủy và chính quyền hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh phát động toàn dân hăng hái chi viện. “Nhận được lệnh hỏa tốc của Chính phủ, Nghệ An phát lệnh tổng động viên. Đứng mồng một Tết Nguyên Đán (năm 1954), 32.000 dân công, trong đó có 2.000 dân công xe đạp thồ cùng hàng ngàn tân binh, thanh niên xung phong, công nhân kỹ thuật quân giới đã nô nức, rầm rập lên đường ra tiền tuyến (...). Có gia đình, cả cha con, dâu, rể cùng ra tiền tuyến. Nhiều thiếu niên cũng hăng hái gia nhập bộ đội, thanh niên xung phong. Nhiều cụ già cũng tham gia phục vụ chiến dịch. Dân công hỏa tuyến phải lội suối trèo đèo rất gian khổ mà có người vẫn liên tiếp đi hai ba đợt liền” [9, tr.330]. Hà Tĩnh do xa chiến trường Điện Biên Phủ và đang được giao nhiệm vụ chi viện cho Chiến dịch Trung - Hạ Lào nên chỉ cử một số cán bộ đi tham gia phụ trách các đoàn dân công cho các tỉnh khác và huy động một số đơn vị bộ đội địa phương, tân binh bổ sung cho các đơn vị chủ lực.

Tính tổng hợp, từ giai đoạn chuẩn bị cho đến khi kết thúc Chiến dịch Điện Biên Phủ, hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh, chủ yếu là Thanh Hóa, Nghệ An dân công các loại huy động được 214.924 người với 14.500.000 ngày công. Riêng số gạo cung cấp cho hậu cần chiến dịch, một mình tỉnh Thanh Hóa đóng góp 56% (9.000 tấn/16.829 tấn). Số xe đạp thồ bảo đảm 80% của chiến dịch, số lương thực phẩm chiếm 40% [5, tr.229].

Ngày 7-5-1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Có được thắng lợi này là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân quan trọng có ý nghĩa quyết định là sự chi viện to lớn của hậu phương cả về vật chất và tinh thần.

2.3. Vai trò, ý nghĩa của hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh trong việc chi viện cho chiến trường chính Bắc Bộ trong những năm 1950-1954

Trong giai đoạn 1950-1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn tổng phản công. Thanh - Nghệ - Tĩnh được xác định là hậu phương chiến lược, chi viện khối lượng lớn sức người, sức của cho các chiến dịch quân sự trên chiến trường Bắc Bộ. Sự chi viện này đóng vai trò quyết định sự thắng lợi của quân dân ta trên chiến trường.

Thanh - Nghệ - Tĩnh không những đã huy động to lớn, liên tục mà còn có khả năng huy động với cường độ cao cho chiến trường Bắc Bộ. Điều này thể hiện sự lớn mạnh vững chắc của hậu phương này, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các chiến trường, góp phần thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển mạnh mẽ với hàng loạt chiến dịch lớn, tiến tới thắng lợi hoàn toàn sau chiến dịch Điện Biên Phủ.

¹Kế hoạch Navar gồm hai bước: *Bước thứ nhất*, giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc và tiến công bình định miền Nam, miền Trung Đông Dương, xóa bỏ vùng tự do Liên Khu V; *Bước thứ hai*, thực hiện chiến lược tiến công miền Bắc, giành thắng lợi quân sự, buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng [6, tr.149].

3. Kết luận

Hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh được đánh giá là kho của, kho người, là hậu phương chiến lược trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954). Với vị trí tiếp giáp phía Tây – Nam chiến trường Bắc Bộ, trong giai đoạn đẩy mạnh cuộc kháng chiến, các chiến dịch quân sự lớn mở ra, đặc biệt là Chiến dịch Điện Biên Phủ, đã nhận được sự chi viện to lớn về sức người, sức của từ hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh (đặc biệt Thanh Hóa, Nghệ An). Sự chi viện to lớn này là kết quả của quá trình xây dựng hậu phương về mọi mặt dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nỗ lực của nhân dân Thanh - Nghệ - Tĩnh. Đồng thời, nó phản ánh khát vọng độc lập của nhân dân Thanh - Nghệ - Tĩnh nói riêng và cả nước nói chung, do đó sẵn sàng hi sinh, cống hiến vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đó là sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng trong thời đại mới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Dân công Liên khu IV, Báo cáo kiểm điểm công tác dân công phục vụ Chiến dịch Hòa Bình 11-1951 đến 3-1952.
- [2] Ban Khoa học Tổng cục hậu cần (1995), Lịch sử hậu cần quân đội nhân dân Việt Nam (1944-1954), Tập 1, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
- [3] Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Thanh Hóa (1980), 50 năm hoạt động của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Thanh Hóa.
- [4] Phan Huy Chú (1960), Lịch triều hiến chương loại chí, Tập 1, NXB Sử học, Hà Nội.
- [5] Lưu Quang Hà (1975), Trận tuyến hậu cần Điện Biên Phủ, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [6] Lê Mậu Hãn (chủ biên, 2013), Lịch sử Việt Nam, Tập 4, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [7] Tập tài liệu về việc thành lập và tổ chức các Hội đồng Cung cấp mặt trận (1952-1954), Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.
- [8] Ngô Đăng Tri (2001), Vùng tự do Thanh – Nghệ - Tĩnh trong kháng chiến chống thực dân Pháp, NXB CTQG, HN, tr.19.
- [9] Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh (1987), Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ Tĩnh (1925-1954), Tập I, NXB Nghệ Tĩnh, Vinh..
- [10] Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Thanh Hóa (1951), Báo cáo tháng 8-1951, Lưu tại kho lưu trữ Trung ương Đảng.

THE THANH-NGHE-TINH REAR'S AID TO THE NORTHERN VIETNAM BATTLEFIELD FROM 1950 TO 1954

Abstract: In the period of 1950-1954, taking advantage of their active status gained in the Northern main front-line, the Vietnamese army launched a great number of big military campaigns to rotate the battlefield order for a successful end. The Thanh-Nghe-Tinh area, which was a strategic rear considered to be a storage of wealth and human power contiguous to the main battlefield, played an important role in supporting the front-lines and contributed decisively to the victory of the anti-French resistance (1946-1954). This paper studies the Thanh-Nghe-Tinh rear and its assistance to the Northern main battlefield during the period of 1950-1954 whereby confirming the great role of the Thanh-Nghe-Tinh area in the anti-French resistance as well as the power of the people's war under the leadership of the Vietnamese Communist Party.

Key words: rear; Thanh-Nghe-Tinh; assistance; the Northern Vietnam battlefield